

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2018

V/v “Ly hôn giữa anh Ng và chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Nguyễn Văn Kiềm

- Thư ký phiên toà: bà Dương Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Đào Thị Lan H, sinh năm 1987 (có mặt)

Đều cư trú: thôn Kh, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Nguyễn Văn Ng trình bày:

Anh và chị H kết hôn ngày 05 tháng 3 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu tại gia đình anh ngay, vợ chồng chung sống tại thôn Kh, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc cho

nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh Nh, sinh ngày 05/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị H. Ly hôn anh đề nghị để chị H được tiếp tục nuôi con chung, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Ng có đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2018, biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Đào Thị Lan H trình bày:

Chị thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình sống chung như anh Ng trình bày là đúng. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2013, nguyên nhân do anh Ng ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên anh Ng nhiều lần nhưng anh Ng vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2013 đến nay chị và anh Ng sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên vì muốn con cái được sống chung với cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn Ng.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh Nh, sinh ngày 05/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị. Nếu phải ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm;

Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ng, xử anh Ng được ly hôn chị H; Con chung: giao cho chị Đào Thị Lan H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Linh Nh, sinh ngày 05/10/2009, anh Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: anh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Ng với bị đơn là chị Đào Thị Lan H, sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn Kh, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Ng: anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ng là phù với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

{3} Về tình cảm vợ chồng: anh Nguyễn Văn Ng và chị Đào Thị Lan H kết hôn ngày 05 tháng 3 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ph, huyện T là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về mặt tình cảm và bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 2013, anh Ng và chị H sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên có đơn xin ly hôn với chị H. Quá trình làm việc với bố đẻ anh Ng là ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958, đại diện chính quyền địa phương là ông Bùi Xuân V - trưởng thôn Kh, xã Ph, bà Nguyễn Thị D - Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Kh, xã Ph, huyện T thì thấy hiện mâu thuẫn giữa anh Ng và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân chị H cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị không đồng ý ly

hôn anh Ng chỉ vì muốn con chung được chung sống với cả bố và mẹ. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng anh Ng, chị H hiện không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh Ng được ly hôn với chị H.

{4} Về con chung: anh Ng, chị H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh Nh, sinh ngày 05/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án anh Ng và chị H thống nhất thỏa thuận để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh là được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình để giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

{5} Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh Ng và chị H đều xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

{6} Về án phí: anh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

{7} Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: anh Nguyễn Văn Ng được ly hôn chị Đào Thị Lan H.

2. Về con chung: giao chị Đào Thị Lan H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Linh Nh, sinh ngày 05/10/2009. Anh Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Ng không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Ng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm nộp đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

3. Án phí: anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001918 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Anh Ng còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang